

Số: 68 /TB-PHĐHLN

Đồng Nai, ngày 28 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc hoàn trả khoản thu dư phí sử dụng dịch vụ phần mềm trực tuyến trên thiết bị di động EduGo Pro và Edubill năm 2026

Căn cứ Thông báo số 40/TB-PHĐHLN-TCKT-ĐT, ngày 19/3/2026 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh mức thu hộ tiền sử dụng dịch vụ phần mềm trực tuyến trên thiết bị di động EduGo Pro và Edubill năm 2026.

Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai thông báo đến các sinh viên đóng dư tiền sử dụng dịch vụ phần mềm trực tuyến trên thiết bị di động EduGo Pro và Edubill năm 2026, cụ thể như sau:

- Hình thức chi trả:

Chi trả bằng tiền mặt: tại Phòng 111 – Liên hệ Cô Hằng (SĐT: 0373.603.292), Nhà thư viện (Nhà A1) vào các ngày trong tuần: Buổi sáng từ 8h00 đến 11h30; Buổi chiều từ 14h00 đến 16h30.

(Danh sách chi trả kèm theo)

- Thời gian chi trả: Từ ngày 29/5/2026 đến hết ngày 10/6/2026.

Lưu ý: Sinh viên khi đến nhận tiền phải mang theo Thẻ sinh viên hoặc Căn cước công dân (CCCD) để đối chiếu.

Nhà trường đề nghị các Khoa chuyên môn, GVCN/Cố vấn học tập thông báo đến các sinh viên có tên trong danh sách chi trả để đến Phòng Tài chính kế toán nhận tiền đúng thời gian quy định.

Rất mong được sự phối hợp của các đơn vị./.

Nơi nhận:

- Khoa chuyên môn;
- GVCN/CVHT;
- Website PH;
- Lưu: VT, TCKT.

TL. GIÁM ĐỐC
TP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Đỗ Thị Thắm

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐH LÂM NGHIỆP

Phòng Tài chính kế toán

DANH SÁCH CHI TRẢ LẠI KHOẢN THU DƯ PHÍ SỬ DỤNG DỊCH VỤ PHẦN MỀM TRỰC TUYẾN TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG EDUGO PRO VÀ EDUBILL NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số: 69./TB-PHĐHLN ngày 28 tháng 5 năm 2026

của Giám đốc Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	Mã số	Họ	Tên	Lớp	Số tiền thu hộ	Số tiền đã thu	Số tiền dư (đ)
1	217640101020	Ngô Hoàng	Khang	K66A_THUY	49.500	50.000	500
2	227620110003	Nguyễn Đức	Phúc	K67_BVTV	49.500	99.000	49.500
3	227620112008	Huỳnh Hoàng	Phúc	K67_BVTV	49.500	50.000	500
4	227620205002	K'	Gòs	K67_LS	49.500	99.000	49.500
5	227850103014	Mai Xuân	Hoàng	K67_QLDD	49.500	50.000	500
6	227850103036	Nguyễn Thị Phương	Trâm	K67_QLDD	49.500	99.000	49.500
7	227850103039	Dương Thị Thanh	Tuyết	K67_QLDD	49.500	99.000	49.500
8	227850103057	Phùng Thị Kim	Oanh	K67_QLDD	49.500	99.000	49.500
9	227620211021	Điêu	Tiến	K67_QLTNR	49.500	50.000	500
10	227340101011	Phan Thị	Hương	K67_QTKD	49.500	99.000	49.500
11	227340101012	Nguyễn Thị Kim	Hường	K67_QTKD	49.500	99.000	49.500
12	227340101022	Lưu Anh	Thư	K67_QTKD	49.500	99.000	49.500
13	227340301031	Hoàng Mộng Hoài	Thương	K67_QTKD	49.500	50.000	500
14	227850103050	Nguyễn Huy	Nam	K67_QTKD	49.500	50.000	500
15	227580108005	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	K67_TKNT	49.500	99.000	49.500
16	227580108006	Trần Duy	Thành	K67_TKNT	0	99.000	99.000
17	227580108009	Nguyễn Thị Thùy	Dung	K67_TKNT	49.500	99.000	49.500
18	227620110001	Nguyễn Trịnh Lộc	Lâm	K67A_THUY	49.500	50.000	500
19	227640101033	Thới Thị Mỹ	Linh	K67A_THUY	49.500	99.000	49.500
20	227640101037	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	K67A_THUY	49.500	99.000	49.500
21	227640101012	Huỳnh Dương Như	Đoan	K67A_THUY	49.500	51.000	1.500
22	227620112005	Võ Đỗ Trường	Tân	K67B_THUY	49.500	99.000	49.500
23	227640101010	Huỳnh Tấn	Đạt	K67B_THUY	49.500	50.000	500
24	227640101015	Nguyễn Quang	Dũng	K67B_THUY	49.500	99.000	49.500
25	227640101021	Nguyễn Đức	Hòa	K67B_THUY	49.500	99.000	49.500
26	227640101026	Lương Văn	Ken	K67B_THUY	49.500	99.000	49.500
27	227640101035	Trần Tấn	Lộc	K67B_THUY	49.500	99.000	49.500
28	227640101062	Sử Hữu	Tường	K67B_THUY	49.500	50.000	500
29	227640101071	Nguyễn Thị Hồng	Loan	K67B_THUY	49.500	99.000	49.500
30	227640101074	Nguyễn Lâm Ngọc	Châu	K67B_THUY	49.500	99.000	49.500
31	227640101080	Nguyễn Vũ Trường	Quang	K67B_THUY	49.500	99.000	49.500
32	237620112002	Phạm Ngọc Bảo	Duy	K68_BVTV	49.500	99.000	49.500

STT	Mã số	Họ	Tên	Lớp	Số tiền thu hộ	Số tiền đã thu	Số tiền dư (đ)
33	237620112014	Lê Lương Trúc	Quỳnh	K68_BVTV	49.500	50.000	500
34	237480104011	Trần Trọng	Nhân	K68_HTTT	49.500	99.000	49.500
35	237340301013	Nguyễn Thị	Phương	K68_KT	49.500	99.000	49.500
36	237340301019	Tồn Thị Xuân	Thu	K68_KT	49.500	52.000	2.500
37	237340301042	Bùi Hoa Ngọc	Yến	K68_KT	49.500	99.000	49.500
38	237510605002	Trần Thị Thùy	Dương	K68_LOGISTICS	49.500	99.000	49.500
39	237510605006	Nguyễn Thanh	Phụng	K68_LOGISTICS	49.500	99.000	49.500
40	237850103006	Cao Thị Trúc	Linh	K68_QLDD	49.500	50.000	500
41	237850103022	Lê Trường	Biên	K68_QLDD	49.500	50.000	500
42	237850103023	Lương Trần Khánh	Nam	K68_QLDD	49.500	99.000	49.500
43	237640101095	Hồ Thị Thủy	Tiên	K68_QLTN&MT	49.500	99.000	49.500
44	237850101002	Đàm Khánh	Hung	K68_QLTN&MT	49.500	99.000	49.500
45	237620211019	Đa Cát Ha	Hòa	K68_QLTNR	49.500	99.000	49.500
46	237340201005	Trần Trần Đông	Nghi	K68_TCNH	49.500	99.000	49.500
47	237340201013	Vũ Thị Thi	Nhi	K68_TCNH	49.500	99.000	49.500
48	227640101061	Trần Văn	Trường	K68A_THUY	49.500	99.000	49.500
49	237640101005	Trần Nguyễn Khánh	Đan	K68A_THUY	49.500	65.000	15.500
50	227640101063	K' Văn	Vũ	K68B_THUY	49.500	50.000	500
51	237640101022	Lê Hồng	Minh	K68B_THUY	49.500	99.000	49.500
52	237640101082	Viên Trúc	Quỳnh	K68B_THUY	49.500	99.000	49.500
53	237640101083	Trần Đan	Duy	K68B_THUY	49.500	99.000	49.500
54	237640101091	Nguyễn Thị	Hồng	K68B_THUY	49.500	50.000	500
55	237640101110	Phạm Nguyễn	Bình	K68B_THUY	49.500	99.000	49.500
56	247340201014	Trịnh Vũ Thảo	Ly	K69_KT	49.500	54.000	4.500
57	247340301006	Vũ Ngọc	Mai	K69_KT	49.500	99.000	49.500
58	247340301010	Lê Trung	Kiên	K69_KT	49.500	99.000	49.500
59	247340301031	Bùi Trịnh Thu	Trang	K69_KT	49.500	99.000	49.500
60	247340301035	Nguyễn Hứa Quỳnh	Như	K69_KT	49.500	99.000	49.500
61	247510605008	Vũ Quốc	Dũng	K69_LOGISTICS	49.500	99.000	49.500
62	247510605040	Nguyễn Hoàng	Quân	K69_LOGISTICS	49.500	99.000	49.500
63	247620205004	Trần Tuấn	Kiệt	K69_LS	49.500	99.000	49.500
64	247850103022	Nguyễn Quang	Dũng	K69_QLDD	49.500	99.000	49.500
65	247850101002	Nguyễn Công	Danh	K69_QLTN&MT	49.500	99.000	49.500
66	247850101008	Võ Minh	Trường	K69_QLTN&MT	49.500	99.000	49.500
67	247850101023	Đoàn Trần Hà	Anh	K69_QLTN&MT	49.500	50.000	500
68	247620211002	Điền	Đam	K69_QLTNR	49.500	99.000	49.500
69	247620211014	K'	Nghĩa	K69_QLTNR	49.500	99.000	49.500

STT	Mã số	Họ	Tên	Lớp	Số tiền thu hộ	Số tiền đã thu	Số tiền dư (đ)
70	247620211052	Võ Đức	Duy	K69_QLTNR	49.500	99.000	49.500
71	247810103009	Nguyễn Thị Thanh	Vân	K69_QTDVDLLH	49.500	50.000	500
72	247340101009	Vũ Tuyết	Mai	K69_QTKD	49.500	99.000	49.500
73	247340101018	Nguyễn Quang	Đạt	K69_QTKD	49.500	99.000	49.500
74	247340101028	Đặng Huỳnh Tố	Lan	K69_QTKD	49.500	99.000	49.500
75	247340101032	Nguyễn Minh	Đức	K69_QTKD	49.500	50.000	500
76	247340201006	Trần Đăng	Khoa	K69_TCNH	49.500	99.000	49.500
77	247640101016	Hồ Văn	Kiệt	K69A_THUY	49.500	99.000	49.500
78	247640101022	Phạm Nguyễn Tuấn	Minh	K69A_THUY	49.500	99.000	49.500
79	247640101104	Nguyễn Văn Minh Đức	Hiếu	K69A_THUY	49.500	99.000	49.500
80	247640101086	Nguyễn Trần Như	Ý	K69B_THUY	49.500	99.000	49.500
81	247640101091	Phạm Minh	Đức	K69B_THUY	49.500	99.000	49.500
82	247640101106	Trần Ngọc	Ánh	K69B_THUY	49.500	99.000	49.500
83	257620110004	Phạm Kiên	Phú	K70_BVTV	49.500	50.000	500
84	257620110006	Lê Văn	Phúc	K70_BVTV	49.500	99.000	49.500
85	257480104007	Trần Đình	Hoàng	K70_HTTT	49.500	99.000	49.500
86	257480104024	Nguyễn Lê Châu	Ngọc	K70_HTTT	0	49.500	49.500
87	257480104025	Trần Minh	Thành	K70_HTTT	49.500	99.000	49.500
88	257340301011	Võ Dương Quỳnh	Hương	K70_KT	49.500	99.000	49.500
89	257340301053	Trần Lê Phát	Đạt	K70_KT	49.500	99.000	49.500
90	257340301057	Đinh Thị Thanh	Duyên	K70_KT	49.500	50.000	49.500
91	257640101096	Phạm Thị Hồng	Quyên	K70_KT	49.500	99.000	49.500
92	257850101013	Trần Minh	Quang	K70_LS	49.500	50.000	500
93	257850103015	Nguyễn Tấn	Sáng	K70_QLDD	49.500	99.000	49.500
94	257850103020	Chu Văn Minh	Vũ	K70_QLDD	49.500	99.000	49.500
95	257850101014	Lê Thị Thanh	Thúy	K70_QLTN&MT	49.500	99.000	49.500
96	257850101015	Nguyễn Đình	Trung	K70_QLTN&MT	49.500	99.000	49.500
97	257850101028	Phạm Huỳnh	Anh	K70_QLTN&MT	49.500	99.000	49.500
98	257620211008	Điều Thị	Linh	K70_QLTNR	49.500	99.000	49.500
99	257620211025	Ngô Thế	Anh	K70_QLTNR	49.500	99.000	49.500
100	257620211034	Trần Thị Hương	Mơ	K70_QLTNR	49.500	99.000	49.500
101	257810103007	Nguyễn Thành	Nam	K70_QTDVDL&LH	49.500	99.000	49.500
102	257810103010	Vòng Lê Ngọc	Phương	K70_QTDVDL&LH	49.500	50.000	500
103	257340101002	Lê Thị Minh	Anh	K70_QTKD	49.500	99.000	49.500
104	257340101015	Đặng Thành	Hưng	K70_QTKD	49.500	99.000	49.500
105	257340101077	Nguyễn Thế	Anh	K70_QTKD	49.500	99.000	49.500
106	257340201001	Nguyễn Thị	Cúc	K70_TCNH	49.500	99.000	49.500

STT	Mã số	Họ	Tên	Lớp	Số tiền thu hộ	Số tiền đã thu	Số tiền dư (đ)
107	257340201017	Dương Minh	Thư	K70_TCNH	49.500	99.000	49.500
108	257340201021	Nguyễn Yên	Trang	K70_TCNH	49.500	99.000	49.500
109	257580108011	Trương Lệ	Sang	K70_TKNT	49.500	99.000	49.500
110	247510605018	La Xuân	Phi	K70A_LOGISTICS	0	49.000	49.000
111	257340301039	Phạm Thị Ngọc	Anh	K70A_LOGISTICS	49.500	50.000	500
112	257510605034	Lê Uyên	Nhi	K70A_LOGISTICS	49.500	99.000	49.500
113	257510605041	Phạm Xuân	Phúc	K70A_LOGISTICS	49.500	99.000	49.500
114	257510605077	Đinh Thị Thùy	Trâm	K70A_LOGISTICS	49.500	99.000	49.500
115	257640101122	Vũ Minh	Tuyền	K70A_THUY	49.500	50.000	500
116	257640101141	Nguyễn Thị	Thắm	K70A_THUY	49.500	50.000	500
117	257640101147	Phan Gia	Tuệ	K70A_THUY	49.500	50.000	500
118	257640101151	Lê Hữu	Hiếu	K70A_THUY	49.500	50.000	500
119	257510605021	Nguyễn Văn	Khánh	K70B_LOGISTICS	49.500	99.000	49.500
120	257510605029	Nguyễn Thành	Nam	K70B_LOGISTICS	49.500	99.000	49.500
121	257510605054	Hoàng Thị Thanh	Trang	K70B_LOGISTICS	49.500	99.000	49.500
122	257510605071	Nguyễn Đình	Hiếu	K70B_LOGISTICS	49.500	99.000	49.500
123	257510605072	Nguyễn Đình	Trung	K70B_LOGISTICS	49.500	99.000	49.500
124	257510605084	Lê Thị Thu	Hoài	K70B_LOGISTICS	49.500	99.000	49.500
125	257640101114	Trần Thị Hồng	Nguyệt	K70B_THUY	49.500	99.000	49.500
126	257640101066	Nguyễn Đức	Cường	K70C_THUY	49.500	99.000	49.500
127	257640101112	Lê Đặng Thuý	Vy	K70C_THUY	49.500	99.000	49.500
Tổng					6.138.000	11.025.500	4.887.500

(Số tiền bằng chữ : Bốn triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng chẵn.)